

Số: /2024/NQ-HĐND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội và khuyến khích đối tượng bảo trợ xã hội thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội và khuyến khích đối tượng bảo trợ xã hội thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận

nghèo đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội và khuyến khích đối tượng bảo trợ xã hội thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo, thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho một số hộ nghèo, hộ cận nghèo và khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo, thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng được hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu

- Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 2 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo;

- Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo cư trú tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hằng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hằng tháng quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi từ 02 (hai) con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi từ 02 (hai) con, trong đó có con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con) quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Đối tượng khuyến khích thoát nghèo, thoát cận nghèo

- Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Người từ đủ 80 tuổi trở lên quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4. Chính sách hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu: Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ 0,5 lần (180.000 đồng/người/tháng) so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo, thoát cận nghèo: Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, sau rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm, không còn trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 được ngân sách hỗ trợ 0,5 lần (180.000 đồng/người/tháng) so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Khi mức chuẩn trợ giúp xã hội hằng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thì mức hỗ trợ nâng mức sống tối thiểu và mức hỗ trợ khuyến khích thoát nghèo, cận nghèo cho đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này được điều chỉnh theo mức tương ứng.

5. Thời gian thực hiện hỗ trợ

Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

6. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Các huyện miền núi (Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh): Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí hỗ trợ;

b) Các thị xã, thành phố (thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn): Ngân sách tỉnh đảm bảo 30% kinh phí hỗ trợ; ngân sách thị xã, thành phố đảm bảo 70% kinh phí hỗ trợ;

c) Các huyện Hoài Ân và Tây Sơn: Ngân sách tỉnh đảm bảo 75% kinh phí hỗ trợ; ngân sách huyện đảm bảo 25% kinh phí hỗ trợ;

d) Các huyện còn lại (Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ): Ngân sách tỉnh đảm bảo 50% kinh phí hỗ trợ; ngân sách huyện đảm bảo 50% kinh phí hỗ trợ đảm bảo.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng